

**Phụ lục IV**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC  
PHẨM HÀ NỘI**

Số: 33/ BC - CIMS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2021**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI</b>
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0101337659
- Vốn điều lệ	62.909.000.000 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	62.909.000.000 đ
- Địa chỉ	170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại	0243.5130669/ 5134588
- Số fax/	0243.8511280
- Website;	<a href="http://www.hanoipharma.com.vn">www.hanoipharma.com.vn</a>
- Mã cổ phiếu (nếu có)	<b>DHN</b>

Quá trình hình thành và phát triển, ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay

- Ngày thành lập: 01/01/2003 theo QĐ 8103/QĐ-UBND chuyển doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội
  - Đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán **DHN** tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 22/3/2018. Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số: 16/2018/GCNCP-VSD ngày 22/03/2018
  - Đăng ký giao dịch cổ phiếu **DHN** tại thị trường UPCOM trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quyết định số 179/QĐ-SGDHN ngày 12/4/2018
  - Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
  - Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: **62.909.000.000 đồng**
  - Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ năm, ngày 19/04/2018
  - Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: **10.500 đồng/cổ phiếu**
- Các sự kiện khác: không có

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: (Nếu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)
  - Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, phục vụ sức khỏe cho người,
  - Nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm, trang thiết bị y tế.
  - Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm.

- Địa bàn kinh doanh: (Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
  - Trụ sở giao dịch : 170 La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
  - Nhà máy : Lô 15 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị : Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý : Đại hội đồng cổ đông- Hội đồng quản trị- Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát
- Các công ty con, công ty liên kết: (Nếu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): không có

### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: SXKD thuốc y tế phòng chữa bệnh cho người
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: nhà máy Dược đạt GMP-WHO, ISO.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Tuân thủ theo đúng các qui định về môi trường, tham gia các hoạt động xã hội và cộng đồng trong khu công nghiệp Quang Minh

### 5. Các rủi ro: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,):

- Dịch bệnh bùng phát dẫn đến giá cả nguyên liệu sản xuất tăng cao, nhiều nguyên liệu khan hiếm không vận chuyển được, từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.
- Trong năm 2021, Công ty phát sinh nghĩa vụ thuế tiềm tàng liên quan đến ưu đãi về thuế TNDN. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục làm việc với Cục thuế thành phố Hà Nội để xác định các nghĩa vụ thuế bổ sung cho kỳ tính thuế từ năm 2009- 2018 (nếu có). Công ty sẽ thực hiện các nghĩa vụ liên quan sau khi nhận được quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế về vấn đề này.

## II. Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Nêu các kết quả đạt được trong năm.

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Kỳ này
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	80 543 846 922
Lợi nhuận thuần	14 333 999 999
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14 271 592 736
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11 208 066 209

- Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp:
  - Do ảnh hưởng của Covid 19 nên nguồn cung cấp nguyên liệu bị hạn chế, giá nguyên vật liệu tăng. Tuy nhiên Công ty vẫn hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đã đề ra.
  - Trong năm, Công ty đã áp dụng hiệu quả nhiều chính sách như: tăng giá bán sản phẩm, đầu tư sản xuất sản phẩm mới, cắt giảm các chi phí không thiết yếu...

*Tran*

**b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

- So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. **Phụ lục 01**
- Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:
  - Doanh thu và giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ năm trước do việc phát triển/ tiêu thụ sản phẩm mới và điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm trong năm 2021 đạt kết quả tốt.
  - Chi phí quản lý Doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do việc thắt chặt chi phí trong quản lý và giảm trích quỹ dự phòng tiền lương.
  - Chi phí khác giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước do năm 2020 Công ty nộp khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ quyết toán thuế 2019 – Công ty không đủ điều kiện hưởng ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đầu tư.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác

Tên	Chức vụ	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần
Bà Phạm Thị Tuấn	Tổng Giám Đốc	Dược sỹ Đại học	0%
Ông Đinh Quang Hào	Phó Tổng Giám Đốc	Thạc sỹ Dược	0.07%
Ông Đàm Quang Minh	Phó Tổng Giám Đốc	Thạc sỹ Dược	0%
Bà Phạm Thị Minh Trang	Quyển Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	0%
Bà Nguyễn Phú Bình	Giám đốc nhà máy	Thạc sỹ Dược	0.002%
Bà Nguyễn Lan Hương	Giám đốc quản lý chất lượng	Dược sỹ Đại học	0.008%

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)
  - 20/4/2021: Bổ nhiệm ông Đàm Quang Minh – Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh
  - 15/10/2021: Miễn nhiệm ông Đàm Quang Minh – Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
  - Tại thời điểm 31/12/2021: có 70 cán bộ công nhân viên
  - Chính sách về hợp đồng lao động và đóng BHXH cho người lao động theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp và Luật Bảo hiểm

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- a. **Các khoản đầu tư lớn:** Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): *không có*
- b. **Các công ty con, công ty liên kết:** (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): *không có*

**4. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ TH 2021/ TH 2020
1	Tổng giá trị tài sản	93,014,971,718	89,493,498,586	104%
2	Doanh thu thuần BH và c/c dịch vụ	80 516 349 422	74 668 926 223	108%
3	Lợi nhuận thuần	14 333 999 999	11 515 888 888	124%
4	Lợi nhuận khác	- 62 407 263	- 1 415 454 018	4%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14 271 592 736	10 100 434 870	141%
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11 208 066 209	8 396 836 973	133%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Phụ lục 02

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

- Tổng số cổ phần: **6.290.900 Cổ phần**
- Loại cổ phần đang lưu hành: **Cổ phiếu phổ thông**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **6.290.900 Cổ phần**
- Số lượng Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0 Cổ phần**

b) **Cơ cấu cổ đông:** Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa

Danh sách	Cổ đông lớn (>5%)	Cổ đông tổ chức/ cá nhân	Cổ đông trong nước/ nước ngoài	Cổ đông nhà nước/ cổ đông khác	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Đầu Tư Việt Hà	X	Tổ chức	Trong nước	Nhà nước	2.516.360	40,00%
Nguyễn Diệu Trinh	X	Cá nhân	Trong nước	CĐ khác	978.824	15.56%
Nguyễn Đức Thắng	X	Cá nhân	Trong nước	CĐ khác	606.222	9.64%
Đỗ Thị Nga	X	Cá nhân	Trong nước	CĐ khác	1.187.711	18.88%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp

DVT: Tỷ đồng

*Tran*

Thời gian	Quyết định	Nội dung	Vốn đầu tư	Vốn Nhà nước	Vốn Cổ đông khác
27/11/2002	8103 – UBND	Chuyển đổi từ Xí nghiệp sang Công ty Cổ phần	7.9	3.16	4.74
15/12/2005	Đại hội cổ đông bất thường 2005	Tăng 10 tỷ Vốn điều lệ bằng phát hành Cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu	17.9	7.16	10.74
10/06/2007	Đại hội cổ đông thường niên 2006	Tăng 3 tỷ Vốn điều lệ bằng phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu	20.9	8.36	12.54
18/9/2012	Đại hội cổ đông bất thường 2012	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, lệ 1:2.01	62.909	25.1636	37.7454

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Nếu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: *không có*

e) **Các chứng khoán khác:** nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: *không có*

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.: *48 309 378 392 VNĐ*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có*

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: *599.007 kw điện/năm*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *không có*

### 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: *14.082 m3 /năm*, nước sạch do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội

b) lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *0%*

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *0 VNĐ*

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

*Man*

- Số lượng lao động trung bình: 72 người
- Lương trung bình: 9.500.000 VNĐ / người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Trong năm có tổ chức khám bệnh định kỳ tất cả công nhân viên.
- Mua bảo hiểm con người cho toàn bộ công nhân
- Mua và phát bảo hộ cho người lao động đúng chế độ qui định
- Công đoàn phối hợp chính quyền tổ chức đưa cán bộ nhân viên đi nghỉ mát dịp hè
- Hỗ trợ Covid cho người lao động bằng tiền, hiện vật, thực hiện tốt 5K..

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Công nhân trực tiếp sản xuất đào tạo 48 giờ/năm/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty thuê chuyên gia hướng dẫn, cập nhật, bổ sung kiến thức về thực hành tốt SX thuốc, bảo quản thuốc và Kiểm nghiệm thuốc kịp thời cho người lao động

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: không có

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

*Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm*

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có): Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra:

ĐVT: VNĐ

TT	Nội dung	Kế hoạch năm nay	Thực hiện năm nay	Tỷ lệ TH/KH năm nay
1	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	76,360,019,871	80 543 846 922	105%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	10,866,999,999	14 333 999 999	132%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,887,201,820	14 271 592 736	131%
4	Cổ tức	14%	14%	100%
5	Lương Bq/người/tháng	8,800,000	9 500 000	108%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: sản xuất sản phẩm mới, duy trì công việc ổn định cho CB CNV trong thời kỳ giãn cách xã hội.



## 2. Tình hình tài chính/

### a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh

- Đầu tư mua sắm TSCĐ mới:
  - Chiller điều hòa: 211 127 000
  - Máy khí nén Hitachi 75kW: 295 000 000
  - Mua máy chuẩn độ điện thế G20S: 400 000 000
- Thanh lý TSCĐ hỏng, hết giá trị sử dụng:
  - Máy ép vi CP 160: 731 100 000
  - Máy nén khí Kobel: 444 522 040
  - Máy nén khí Hitachi 37Kw: 94 600 000

DVT: VNĐ

	Nội dung	Nguyên giá đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Nguyên giá cuối kỳ
<b>211</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>58 511 450 028</b>	<b>906 127 000</b>	<b>1 270 222 040</b>	<b>58 147 354 988</b>
2112	Nhà cửa, vật kiến trúc	22 289 175 270			22 289 175 270
2113	Máy móc, thiết bị	28 791 462 915	906 127 000	825 700 000	28 871 889 915
2114	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 453 998 179		444 522 040	3 009 476 139
2115	Thiết bị, dụng cụ quản lý	211 753 856			211 753 856
2118	Tài sản cố định khác	3 765 059 808			3 765 059 808
<b>213</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>4 609 713 164</b>			<b>4 609 713 164</b>

- Trong năm 2021, Khấu hao TSCĐ như sau:

DVT: VND

Nội dung	Hao mòn lũy kế đầu kỳ	Hao mòn TSCĐ thanh lý trong kỳ	Hao mòn trong kỳ	Hao mòn lũy kế cuối kỳ
Hao mòn TSCĐ hữu hình	35.424.377.959	1.201.899.820	3.386.186.137	37.608.664.276
Hao mòn TSCĐ vô hình	1.386.448.770		95.380.692	1.481.829.462

- Công ty không phát sinh nợ xấu: công nợ phải thu cuối kỳ = 0 VNĐ

### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nội dung	Công nợ cuối kỳ	Ghi chú
Phải trả cho người bán: DPHN	279 972 000	Tiền hàng gia công chưa sản xuất

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: hướng tới xây dựng nhà máy đạt chuẩn ISO, xây dựng thêm nhiều dây chuyền sản xuất mới phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần): Không có (Kiểm toán chấp nhận toàn phần)

## 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

### a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Chỉ tiêu		Văn phòng La Thành	Nhà máy Quang Minh
Tiêu thụ nước		Khoảng 645 m <sup>3</sup> / năm	Khoảng 13.437 m <sup>3</sup> / năm
Tiêu thụ điện		Khoảng 75.801 kWh/ năm	Khoảng 523.206 kWh/ năm
Phát thải	Nước thải	Không có	Khoảng 9.123 m <sup>3</sup> / năm
	Chất thải nguy hại	Không có	Không có

### b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- 31/12/2021, Tổng lao động trong công ty là 70 người, trong đó có: 1 cao đẳng, 9 cử nhân, 29 Dược sỹ (trung cấp và đại học), 8 Dược tá, 3 kỹ sư, 3 lái xe, 12 lao động phổ thông, 5 thạc sỹ

### c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp an toàn phòng chống dịch Covid 19 trong Doanh nghiệp
- Hoàn thành các nghĩa vụ địa phương giao phó
- Nghiêm túc thực hiện công tác bảo vệ, PCCC cả ngày thường và lễ tết.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

#### a. Việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh:

ĐVT: VND

TT	Nội dung	Kế hoạch năm nay	Thực hiện năm nay	Tỷ lệ TH/KH năm nay
1	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	76,360,019,871	80 543 846 922	105%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	10,866,999,999	14 333 999 999	132%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,887,201,820	14 271 592 736	131%
4	Cổ tức	14%	14%	100%
5	Lương Bq/người/tháng	8,800,000	9 500 000	108%

b. Tính tuân thủ các quy định trong hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật kế toán, BHXH, Điều lệ Công ty.

c. Báo cáo tài chính kiểm toán (nếu có): **File đính kèm**

d. Đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định liên quan đến lương thưởng:

- Áp dụng mức đóng BHXH từ 4.729.400 VNĐ cho toàn thể người lao động.
- Chỉ lương, thưởng theo đúng thỏa thuận, hợp đồng lao động cũng như qui chế lương thưởng của công ty.

e. Các hoạt động đối với xã hội, công đồng:

- Chung tay phòng chống Covid 19, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo qui định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: đã hoàn thành mục tiêu Lợi nhuận sau thuế, cổ tức mà Đại hội cổ đông đề ra.



### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Ổn định các thế mạnh hiện tại của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu, phát triển thuốc mới, dây chuyền mới, thị trường mới.
- Hướng tới nhà máy đạt chuẩn ISO.
- Nâng cao Lợi nhuận, thương hiệu của công ty.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác): **Phụ lục 03**

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp: **Phụ lục 04**

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

### 2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày Bổ nhiệm	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết
1	Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng BKS	30/12/2020	0.002%
2	Bà Nguyễn Lan Hương	Thành viên	10/12/2020	0.008%
3	Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên	10/12/2020	5%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/BC-BKS	3/5/2021	- Báo cáo thực hiện năm 2020 và phương hướng năm 2021	100%
2	QC	13/12/2021	- Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS	100%

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ): **Phụ lục 05**

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: **Phụ lục 06**

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Thực hiện đúng Luật doanh nghiệp, Luật Bảo hiểm, Điều lệ công ty

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).: **File đính kèm**

Nơi nhận:

- ....;
- Lưu: VT, ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**ĐS. Phạm Thị Thuần**

**Phu lục 01:** So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề  
ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/ KH 2021	Tỷ lệ TH 2021/ TH 2020
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	76,360,019,871	80 543 846 922	74 674 376 423	105%	108%
2. Các khoản giảm trừ	-	27 497 500	5 450 200		505%
3. Doanh thu thuần BH và c/c dịch vụ	76,360,019,871	80 516 349 422	74 668 926 223	105%	108%
4. Giá vốn hàng bán	47,107,841,402	51 725 767 423	48 243 162 309	110%	107%
5. Lợi nhuận gộp BH và c/c dịch vụ	29,252,178,469	28 790 581 999	26 425 763 914	98%	109%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,116,684,932	1 147 017 534	1 333 922 879	103%	86%
8. Chi phí bán hàng	3,554,725,440	3 403 772 411	2 288 946 017	96%	149%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15,947,137,962	12 199 827 123	13 954 851 888	77%	87%
10. Lợi nhuận thuần	10,866,999,999	14 333 999 999	11 515 888 888	132%	124%
11. Thu nhập khác	84,008,718	106 735 991		127%	
12. Chi phí khác	63,806,897	169 143 254	1 415 454 018	265%	12%
13. Lợi nhuận khác	20,201,821	- 62 407 263	- 1 415 454 018	-309%	4%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,887,201,820	14 271 592 736	10 100 434 870	131%	141%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,350,201,743	3 063 526 527	1 703 597 897	130%	180%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8,537,000,077	11 208 066 209	8 396 836 973	131%	133%

*Luau*

**Phụ lục 02:** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3.94	4.28	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2.69	2.74	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.18	0.17	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0.22	0.21	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	2.40	2.06	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài Sản	0.83	0.87	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.11	0.14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0.11	0.15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.09	0.12	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.35	0.36	

*Kuan*

**Phụ lục 03:** Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP	Loại hình	Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ quản lý tại công ty khác
Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 17/12/2020	15%	Đại diện vốn CT CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà	2
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 10/12/2020	20%	Đại diện vốn CT CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà	4
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/12/2020	18.88%	Cổ đông lớn	2
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/12/2020 Miễn nhiệm ngày 7/12/2021	0%	Từng là Cổ đông lớn	2
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 7/12/2021	15.56%	Cổ đông lớn	0

*Trần*

**Phụ lục 04:** Hoạt động của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	74a/NQ-HĐQT	15/3/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2021, dự kiến tổ chức ngày 27/5/2021	100%
2.	75a/NQ-HĐQT	20/4/2021	Bổ nhiệm ông Đàm Quang Minh giữ chức vụ Phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh	100%
3.	76/NQ-HĐQT	4/5/2021	Bổ sung nội dung miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế bà Nguyễn Phương Thảo vào nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên 2021	100%
4.	77/NQ-HĐQT	21/5/2021	Thông qua nội dung hoãn tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2021 vào ngày 27/5/2021	75%
5.	80a/NQ-HĐQT	16/10/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2021, dự kiến tổ chức ngày 07/12/2021	100%
6.	81/NQ-HĐQT	1/11/2021	Chọn Công ty TNHH Kiểm toán Vaco làm đơn vị kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.	100%
7.	82/NQ-HĐQT	11/11/2021	Thông qua nội dung Tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên 2021, dự kiến tổ chức ngày 07/12/2021	100%
8.	83a/NQ-HĐQT	13/12/2021	Thông qua trả cổ tức còn lại năm 2020 (4%) và tạm ứng cổ tức năm 2021 (8%), tổng 12%. Ngày đăng ký cuối cùng là 4/1/2022	100%
9.	11/QĐ-HĐQT	13/12/2021	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh của ông Đàm Quang Minh từ ngày 15/10/2021	100%

*Mau*

**Phụ Lục 05:** Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

ĐVT: VNĐ

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Phụ cấp khác	Phụ cấp HDQT/ BKS	Tổng
Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch HDQT NK V				76,525,987	76,525,987
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HDQT				66,266,472	66,266,472
Đỗ Thị Nga	Thành viên HDQT NK V				64,071,656	64,071,656
Nguyễn Phương Thảo	Thành viên HDQT NK V				35,937,863	35,937,863
Ngô Hồng Minh	Trưởng BKS NK V				64,071,656	64,071,656
Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên BKS				51,042,000	51,042,000
Phạm Thị Tuân	Tổng giám đốc kiêm thành viên HDQT NK IV	339,020,772	442,867,695	48,000,000	2,194,816	832,083,283
Đình Quang Hào	Phó tổng giám đốc kiêm Chủ tịch HDQT NK IV	223,754,707	249,078,031	72,000,000	2,593,779	547,426,517
Đàm Quang Minh	Phó Tổng giám đốc	102,154,458	59,638,585			161,793,043
Nguyễn Thị Nhung	Nguyên KTT kiêm Thành viên HDQT NK IV				2,194,816	2,194,816
Nguyễn Phú Bình	Giám đốc nhà máy	199,097,155	259,830,559	1,800,000		460,727,714
Nguyễn Lan Hương	Giám đốc chất lượng kiêm thành viên BKS	174,246,754	236,460,538	1,800,000	50,842,518	463,349,810
Phạm Thị Minh Trang	Quyền kế toán trưởng	187,908,861	220,212,034			408,120,895

*Luân*

**Phụ lục 06:** Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Số CP sở hữu đầu kỳ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Đăng Khoa	Cổ đông lớn	079092015215 cấp ngày 19/6/2020 do CCS QLHC về TTXH cấp	658.824	0	0%	
2	Nguyễn Phương Thảo	Nguyên Thành viên. HDQT	012209374 cấp ngày 25/1/2013 tại CA TP Hà Nội	320.000	0	0%	
3	Nguyễn Diệu Trinh	Cổ đông lớn	001179039705 cấp ngày 10/5/2021 tại CCS QLHC về TTXH	0	978.824	15.56%	

*Tran*